

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06-7-2022

“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi dưỡng con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Dũng
2. Ông Lê Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hưng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi dưỡng con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Đình O**, sinh năm 1978 (có mặt)

Trú tại: ấp T N, xã T X, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Trú tại: ấp T N, xã T X, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Lê Đình O và bà Nguyễn Thị C tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T X, huyện Thới Lai năm 2007. Vợ chồng chung sống với nhau có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ H (nữ), sinh ngày 19/02/2000; Lê Đình H (nam), sinh ngày 04/6/2006, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, đã tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, bà C bỏ ra bên ngoài sống khoảng 04 năm nay và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay ông yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

- Về con chung: Lê Thị Mỹ H (nữ), sinh ngày 19/02/2000 đã trưởng thành; Lê Đình H (nam), sinh ngày 04/6/2006. Ông đồng ý giao cháu H cho bà C nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông O vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bà C vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Lê Đình O khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi dưỡng con chung với bà Nguyễn Thị C nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn cư trú ấp T N, xã T X, huyện Thới Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông O và bà C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T X, huyện Thới Lai nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên tắc của hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét ông O trình bày, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều từ năm 2018 do chung sống nhưng cả hai đều không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc nhau. Bà C đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy bà không còn thiết tha gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh O. Qua đó thể hiện, mâu thuẫn gia đình ông bà thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay ông O yêu cầu xin ly hôn với bà C là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Ông O xác định vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ H (nữ), sinh ngày 19/02/2000; Lê Đình H (nam), sinh ngày 04/6/2006. Cháu H đã trưởng thành và cháu H hiện đang sống với chị C, khi

ly hôn ông cũng đồng ý giao cháu H cho chị C nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở anh O thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông O xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Ông O phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình O được ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Đình H (nam), sinh ngày 04/6/2006 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông O không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông O, không ai được quyền cản trở ông thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông O xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Đình O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông O đã nộp theo biên lai thu số 0005382 ngày 01/4/2022 (ông O đã thực hiện xong).

Trong hạn 15 ngày: kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo để xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Long

Phan Thanh Dũng

Bùi Tuấn Kiệt

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H. Thới Lai;
- Chi cục THADS H. Thới Lai;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND xã T X;
- Lưu hồ sơ vụ án

Bùi Tuấn Kiệt

